

**CÔNG TY TNHH SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC ID**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC ID

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109166405

**3. Ngày thành lập:** 27/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 21, tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1701        |
| 2.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                       | 1702        |
| 3.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811        |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1812        |
| 5.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1820        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                             | 4610        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649(Chính) |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                       | 4651        |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652        |
| 10. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                    | 4741        |
| 11. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                 | 4742        |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4759        |
| 13. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                  | 4761        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ bằng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4762 |
| 15. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4763 |
| 16. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4764 |
| 17. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                        | 4771 |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310 |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                        | 7410 |
| 20. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết:<br>- Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại:<br>+ Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới...,<br>+ Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch,<br>+ Quay video: Đám cưới, hội họp...;<br>- Sản xuất phim:<br>+ Phát triển phim và thử nghiệm in ảnh,<br>+ Rửa, khôi phục lại hoặc sửa lại ảnh;<br>( trừ hoạt động của phóng viên ảnh.) | 7420 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 22. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8521 |
| 23. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8522 |
| 24. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8523 |
| 25. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8531 |
| 26. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8532 |
| 27. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8533 |
| 28. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8541 |
| 29. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8551 |
| 30. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8552 |

|     |                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>( Không bao gồm: - Dạy về tôn giáo;- Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể.) | 8559 |
| 32. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                  | 8560 |
| 33. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                               | 3240 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: DƯƠNG VĂN HẢI Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 28/09/1982 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 013314342  
 Ngày cấp: 13/07/2010 Nơi cấp: Công an TP Hà Nội  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 46A ngõ 514 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 938-CT10C, Khu Chung cư Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội